

Số: 146/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 10 - 2023
T/c về việc: “*Hợp đồng tín dụng
và thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Lan P

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến N - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2023 tranh chấp về việc “*Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 479/2023/QĐST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T

Trụ sở số 266 - 268, Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật, bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Đoàn Minh Đ - Chức vụ Trưởng phòng giao dịch Long H - Chi nhánh Vinh L (văn bản số: 3272, ngày 26/12/2022). (có mặt)

Trụ sở số 254, khóm 5, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vinh L.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 12, đường Nguyễn Văn T, Khóm 2, Phường 4, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ông Đoàn Minh Đ trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân hàng) có xác lập các hợp đồng dân sự với bà Nguyễn Thị Thu N, cụ thể sau:

1. Hợp đồng thứ nhất: Ngân hàng và bà N ký kết hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) sử dụng vào

việc mua xe ô tô phục vụ đời sống; thời hạn 60 tháng (05 năm); lãi suất 06 tháng đầu tiên 11%/năm, bắt đầu tháng thứ 07 lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố + (cộng) biên độ 3,5%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo quy định kỳ 03/tháng/lần và phù hợp với quy định Nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là không bắt buộc. Thời hạn giải ngân chậm nhất đến hết ngày 30/6/2020. Phương thức trả nợ được chia thành nhiều kỳ, vốn gốc trả định kỳ 01 tháng/lần, lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần và được trả theo phụ lục lịch trả nợ kèm hợp đồng hoặc đính kèm theo từng giấy nhận nợ tương ứng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202025462079 ngày 15/6/2020 xác lập giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Phòng giao dịch Long H với bà N, để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số: 202025462079 ngày 15/6/2020 là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota màu trắng 05 chỗ ngồi, biển số 64A-088.82, số khung 3HK 104008950, số máy 2AR 2356887 được Phòng cảnh sát giao thông/Công an tỉnh Vĩnh L cấp giấy chủ quyền ngày 15/6/2020 cho bà N đứng tên chủ quyền.

Ông Đoàn Minh Đ tường trình ngày 11/7/2023 và cung cấp tài liệu, chứng cứ tờ hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: VPA/01876396, ngày 15/6/2020 xác lập giữa bà N và Công ty Bảo Minh Vĩnh L. Bà N mua loại hình bảo hiểm vật chất với giá phí bảo hiểm 48.150.960 đồng, thời hạn bảo hiểm từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/6/2023.

*

Thực hiện hợp đồng: Bà N đã trả nợ vay đến ngày 14/01/2023 tổng cộng 706.372.531 đồng (trong đó tiền gốc 500.010.000 đồng; lãi 206.362.531 đồng). Từ ngày 15/01/2023 bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 18/5/2023 còn nợ vay là 529.791.338 đồng (trong đó tiền gốc 499.990.000 đồng, lãi trong hạn 26.415.056 đồng, lãi quá hạn 2.921.086 đồng; lãi quá hạn 465.196 đồng). Yêu cầu bà N phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Toyota biển số 64A-088.82, do bà N đứng tên chủ quyền, trong trường hợp bà N không thanh toán hết nợ vay của hai hợp đồng nêu trên thì xử lý tài sản thế chấp.

2. Hợp đồng thứ 2: Ngân hàng và bà N ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 1460592 ngày 07/5/2020 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng quốc tế JCB Classic số thẻ 356480-7070, với hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ 05 năm (từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/5/2025); mục đích tiêu dùng cá nhân, không áp dụng biện pháp bảo đảm; lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 24,6%/năm.

Quá trình giao dịch thẻ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/11/2022, tổng số tiền 71.121.937 đồng, phí trễ hạn 3.437.724 đồng, tiền lãi 39.497.430 đồng, phí vượt hạn mức 1.109.975 đồng, phí thường niên và phí rút tiền mặt 2.287.000 đồng. Tổng các khoản nợ trong hạn, bà N đã thanh toán 52.423.845 đồng. Sau đó, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Ngày 23/12/2022, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ bà N cùng tìm phương hướng giải quyết các khoản vay nhưng bà N cố tình tránh né. Tính đến ngày 18/5/2023, bà N phải trả tiền nợ thẻ tín dụng 65.030.221 đồng (trong đó tiền gốc 61.167.160 đồng; lãi quá hạn 3.863.061 đồng).

Bị đơn Nguyễn Thị Thu N vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án đã được tổng đạt văn bản tố tụng lần nhất vào ngày 07/4/2023; lần hai vào ngày

26/4/2023 cho bà N để tham gia phiên họp lần nhất vào ngày 25/4/2023; lần hai vào ngày 18/5/2023 nhưng vắng mặt, không lý do; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/9/2023 nhưng bà N vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Được giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Ông Được khai giữ nguyên lời khai tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2023, tính đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm phía bà N còn nợ hợp đồng tín dụng tổng số tiền 562.152.412 đồng (trong đó dư nợ 499.990.000 đồng; lãi trong hạn 47.791.530 đồng; lãi quá hạn 12.941.834 đồng; lãi phạt quá hạn 1.429.048 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020.

Tính đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm phía bà N còn nợ hợp đồng thẻ tín dụng tổng số tiền 75.467.263 đồng (trong đó nợ gốc 61.167.160 đồng; lãi quá hạn 14.300.103 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng số: 1460592 vào ngày 07/5/2020.

Ngân hàng xác định giữa Ngân hàng với bà N có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 202025462079, ngày 15/6/2020 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota màu trắng 05 chỗ ngồi, biển số 64A-088.82, số khung 3HK 104008950, số máy số máy 2AR 2356887 được Phòng cảnh sát giao thông/Công an tỉnh Vĩnh L cấp giấy chủ quyền ngày 15/6/2020 cho bà N đứng tên chủ quyền. Ngân hàng yêu cầu được ưu tiên thanh toán hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 từ hợp đồng thế chấp số: 202025462079, ngày 15/6/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 08/9/2023; lần hai vào ngày 02/10/2023 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 26/9/2023 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 19/10/2023 nhưng bà N vắng mặt, không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu: Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng và phía bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thể đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng được xác lập giao dịch dân sự năm 2020 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng đang hiện hành để giải quyết.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tổng đạt văn bản tố tụng đề triệu tập bà N tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo luật định.

- Căn cứ Công văn số: 1142/2023/BMVL/NV, ngày 22/8/2023 của Công ty Bảo Minh Vĩnh L cung cấp thông tin về hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: VPA/01876396, ngày 15/6/2020 xác lập giữa bà N và Công ty Bảo Minh Vĩnh L. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/6/2020 đến 14/6/2023, thời hạn bảo hiểm này đã kết thúc, phía bà N không tái hợp đồng mới. Do đó, Tòa án không cần thiết phải đưa Công ty Bảo Minh Vĩnh L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán nợ vay hợp đồng tín dụng còn nợ 562.152.412 đồng và thanh toán nợ vay hợp đồng thẻ tín dụng là 75.467.263 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm trên cơ sở tài liệu, chứng cứ chứng minh là hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 đính kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng và giấy nhận nợ ngày 15/6/2020; Hợp đồng thẻ tín dụng số: 1460592 vào ngày 07/5/2020 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), kèm theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà N. Đối với bà N đã được Ngân hàng phát thông báo nợ quá hạn ngày 18/01/2023 và ngày 10/01/2023 theo quy định tại khoản 1.1 Điều 1 của các điều khoản chung về cấp tín dụng về việc thu hồi nợ trước thời hạn. Về phía bà N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng mà vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án và không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng xuất trình thể hiện bà N có ký tên thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng thông qua các thủ tục nêu trên và thu hồi nợ trước thời hạn là có cơ sở.

- Về mức lãi suất thỏa thuận được thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Vì vậy, bà N phải chịu tiền lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

* Đối với hợp đồng tín dụng: Bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/01/2023 nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo điểm b, khoản 2.1 Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng là có căn cứ. Do đó, theo quy định Điều 463 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 562.152.412 đồng (trong đó dư nợ 499.990.000 đồng; lãi trong hạn 47.791.530 đồng; lãi quá hạn 12.941.834 đồng; lãi phạt quá hạn 1.429.048 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020.

* Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Ngày 23/12/2022, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, theo quy định Điều 463 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 75.467.263 đồng (trong đó nợ gốc 61.167.160 đồng; lãi quá hạn 14.300.103 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng số: 1460592 ngày 07/5/2020.

[3]. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202025462079, ngày 15/6/2020 xác lập giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Phòng giao dịch Long H với bà N, để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota màu trắng 05 chỗ ngồi, biển số 64A-088.82, số khung 3HK 104008950, số máy 2AR2356887 được Phòng cảnh sát giao thông/Công an tỉnh Vĩnh L cấp giấy chủ quyền ngày 15/6/2020 cho bà N đứng tên chủ quyền. Ngoài ra, bà N có nghĩa vụ mua bảo hiểm xe cơ giới và khi có sự kiện bảo hiểm thì người thụ hưởng là phía Ngân hàng. Trong thời hạn hợp đồng, được sự đồng ý của Ngân hàng nên bà N được chia 02 lần sự kiện bảo hiểm và nhận tiền bồi thường vào ngày 18/9/2020 là 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và ngày 02/11/2020 số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Hợp đồng bảo hiểm đã hết thời hạn, bà N không tái hợp đồng mới, Hội đồng xét xử nhận thấy về hình thức và nội dung xác lập các hợp đồng này giữa các bên là tuân thủ khoản 3 Điều 295, Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng được thu hồi nợ vay của Hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 từ tài sản thế chấp nêu trên theo quy định Điều 307, Điều 308 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Đối với hợp đồng tín dụng: Bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là 26.486.000 đồng.

* Đối với hợp đồng thế chấp: Bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là 3.773.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 13.465.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai số N⁰001940 ngày 17/3/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 295, 317, 318, 323, 307, 308 Bộ luật Dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 tổng cộng các khoản nợ vay đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (19/10/2023) là 562.152.412 đồng, (trong đó dư nợ 499.990.000 đồng; lãi trong hạn 47.791.530 đồng, lãi quá hạn 12.941.834 đồng, lãi phạt quá hạn 1.429.048 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng thế chấp số: 1460592, ngày 07/5/2020 tổng cộng các khoản nợ vay đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2023) là 75.467.263 đồng (trong đó nợ gốc 61.167.160 đồng, lãi quá hạn 14.300.103 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2023) cho đến

khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thế tín dụng số: 1460592, ngày 07/5/2020.

- Về tài sản thế chấp: Ngân hàng được ưu tiên thanh toán hợp đồng tín dụng số: 202025462079, ngày 15/6/2020 từ hợp đồng thế chấp số: 202025462079, ngày 15/6/2020 xác lập giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Phòng giao dịch Long H với bà N là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota mang Biển số: 64A-088.82, số khung 3HK 104008950, số máy 2AR2356887 được Phòng cảnh sát giao thông/Công an tỉnh Vĩnh L cấp giấy chủ quyền ngày 15/6/2020 cho bà N đứng tên chủ quyền.

II. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng hai khoản là 30.259.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 13.465.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai số N⁰ 001940 ngày 17/3/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt, được tính kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã, phường;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

(Đã ký)

Nguyễn Thu T